

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÁ THƯỚC  
TỈNH THANH HOÁ

Bản án số: 33/2022/DS-ST

Ngày 16 - 8- 2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HÓA

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Quyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Cao Xuân Bằng
2. Ông Trương Cao Quý

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Cao Thị Nhung - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bá Thước.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Đình Thuật – Kiểm sát viên ( vắng mặt có lý do).

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2022/TLST - DS ngày 04/04/2022 về vụ án: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/QĐXX-ST ngày 14/07/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2022/QĐST-DS ngày 28/7/2022 giữa;

*Nguyên đơn:* Ông Đỗ Lường B , sinh năm 1955(có mặt) và bà Nguyễn Thị N , sinh năm 1955 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn N , xã B C , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

*Bị đơn:* Anh Vũ Đình A , sinh năm 1977 (vắng mặt) và bà Lương Thị M , sinh năm 1987 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn La H , xã B C , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn ông B và bà N trình bày:

Gia đình ông B , bà N và gia đình anh A , chị M có quen biết đi lại thân thiết. Lần đầu anh Vũ Đình A vay của ông B 10.000.000đ (Mười triệu đồng), lần thứ hai vay 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và lần thứ ba là vay 5.000.000đ

(Năm triệu đồng). Tổng số tiền vay là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng). Đến ngày 20/3/2020 vợ chồng ông Bàn đến hỏi nợ thì anh A đánh ông B phải đi viện. Sau khi ông B đi viện về Công an đến làm việc thì vợ chồng anh A chị M đến nhà ông B khát nợ lấy lại giấy vay tiền cũ và viết giấy vay tiền mới vào ngày 13/4/2020. Hẹn đến 13/8/2020 trả tiền cho ông B, thời hạn trả nợ là ngày 13/8/2020 không ghi lãi trong giấy vay tiền. Nhưng thực tế thỏa thuận lãi suất 3%/tháng đã trả lãi 02 lần được 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng). Ông B hỏi nợ nhiều lần anh A và chị M không trả. Nay ông B và bà N yêu cầu chị M và anh A trả toàn bộ số tiền gốc 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày xét xử trừ đi số tiền lãi đã trả là 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng). Ông B xuất trình 01 giấy vay tiền viết tay bản gốc là chữ viết của chị M và có chữ ký của anh Vũ Đình A và chị Lương Thị M. Xuất trình 01 bản án hình sự số:18/2020/HSST ngày 18/8/2020 về hành vi cố ý gây thương tích của anh Vũ Đình A đối với ông Đỗ Lương B. Do hỏi nợ nhiều lần chị M và anh A không trả rồi nói hai bên lời qua tiếng lại. Anh Vũ Đình A đã dùng dao đánh ông Bàn gây thương tích 1% và ông B nên đã bị xử lý hình sự.

Bị đơn: Anh Vũ Đình A và chị Lương Thị M đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc.

Tại phiên ông Đỗ Lương B và bà Nguyễn Thị Ng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh Vũ Đình A và chị Lương Thị M đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định trình tự tố tụng của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Việc anh Vũ Đình A và chị Lương Thị M đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần vắng mặt không có lý do. HĐXX vẫn xét xử theo thủ tục chung là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Quan hệ pháp luật*: Đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

[3] *Về nội dung vụ án*: Đây là hợp đồng vay (tiền mặt) có có thời hạn và không xác định được lãi.

Có căn cứ xác định về việc chị Lương Thị M và anh Vũ Đình A vay của ông Đỗ Lương B và bà Nguyễn Thị N 25.000.000đ và chót nợ bằng giấy vay

tiền vào 13/4/2020 hạn trả nợ 13/8/2022. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Lương B và bà Nguyễn Thị N về khoản tiền gốc 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Xét về yêu cầu tiền lãi: Trong giấy vay tiền không thỏa thuận lãi, nhưng ông B và bà N công nhận bị đơn đã trả hai lần tiền lãi là 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng). Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là chứng cứ không phải chứng minh.

Như vậy là vay có lãi nhưng không xác định được lãi xuất HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự về trường hợp không xác định được lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất.

Như vậy lãi suất được tính từ ngày vay ghi trong giấy vay tiền là 13/4/2020 đến ngày xét xử là 16/8/2022 là 02 năm 04 tháng 03 ngày với mức lãi theo quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự là  $[(25.000.000đ \times 10\%/năm) \times 02 \text{ năm}] + [25.000.000đ \times 10\%/năm : 12 \text{ tháng} \times 04 \text{ tháng}] + (25.000.000đ \times 10\%/năm) : 365 \text{ ngày} \times 03 \text{ ngày} = 5.000.000đ + 833.000đ + 20.547đ = 5.853.547đ$  làm tròn là 5.853.000đ (Năm triệu tám trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Tổng cả gốc và lãi  $25.000.000đ + 5.853.000đ = 30.853.000đ$

Tổng số tiền anh A và chị M có nghĩa vụ liên đới trả cho ông B và bà N là  $30.853.000đ - 1.200.000đ$  (đã trả)  $= 29.653.000đ$  (Hai mươi chín triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Về trách nhiệm trả nợ: Theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ khi đến hạn”. Trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự

Về án phí: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn phải liên đới chịu án phí có giá ngạch của số tiền phải trả nợ 29.653.000đ (Hai mươi chín triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn đồng) là 1.482.650đ làm tròn là 1.483.000đ (Một triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **1. Căn cứ áp dụng:**

- Căn cứ áp dụng: Các Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ: Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

**2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Lương B và bà Nguyễn Thị N .**

-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện số tiền gốc là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

-Chấp nhận yêu cầu tính lãi là từ ngày vay 13/4/2020 đến ngày xét xử 16/8/2022 là 02 năm 04 tháng 03 ngày.

$$[(25.000.000đ \times 10\%/năm) \times 02 \text{ năm}] + [(25.000.000đ \times 10\%/năm) : 12 \text{ tháng} \times 04 \text{ tháng}] + [(25.000.000đ \times 10\%/năm) : 365 \text{ ngày}] \times 03 \text{ ngày} = 5.000.000đ + 833.000đ + 20.547đ = 5.853.547đ \text{ làm tròn là } 5.853.000đ \text{ (Năm triệu tám trăm năm mươi ba nghìn đồng).}$$

Tổng cả gốc và lãi  $25.000.000đ + 5.853.000đ = 30.853.000đ$  (Ba mươi triệu tám trăm năm mươi ba nghìn đồng).

-Công nhận việc nguyên đơn ông Đỗ Lương B và bà Nguyễn Thị N đã nhận tiền lãi là 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng).

Tổng số tiền anh Vũ Đình A và chị Lương Thị M có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đỗ Lương B và bà Nguyễn Thị N là  $30.853.000đ - 1.200.000đ$  (đã trả)  $= 29.653.000đ$  (Hai mươi chín triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn đồng).

**3. Buộc chị Lương Thị M và anh Vũ Đình A liên đới có trách nhiệm trả cho ông Đỗ Lương B và bà Nguyễn Thị N 29.653.000đ (Hai mươi chín triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn đồng).**

**4. Trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ:** Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án và Chi cục thi hành án ra quyết định thi hành án, mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành không đầy đủ, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

**5. Về án phí:** Chị Lương Thị M và anh Vũ Đình A liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự của số tiền phải trả nợ 29.653.000đ (Hai mươi chín triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn đồng) là 1.482.650đ làm tròn là 1.483.000đ (Một triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng).

**6.** Bản án này được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm có mặt nguyên đơn vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện BT
- .....
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T. M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Trần Thị Quyên***



**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN - THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Lê Thị Thảo*

*Cao Xuân Bằng*

*Trần Thị Quyên*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN                      THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Phạm Thị Yến      Nguyễn Văn Đàn*

*Trần Thị Quyên*